

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI DOANH NGHIỆP



PGS.TS. Nguyễn Xuân Hưng*

Đoàn Thị Thu Thủy*

Từ Thanh Hoài*

Vũ Hải Yến **

Nhận: 06/8/2021

Biên tập: 13/8/2021

Duyệt đăng: 20/8/2021

Tóm tắt:

Công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (TNXHĐN) là một vấn đề đang nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp (DN) và các bên liên quan. Công bố thông tin TNXHĐN là việc DN phải báo cáo về những hành động đem lại giá trị cho các bên liên quan và xã hội. Việc DN công bố thông tin về vấn đề môi trường cũng như đóng góp cho cộng đồng sẽ đem lại cho DN những lợi ích nhất định, gia tăng lợi thế cạnh tranh và hướng đến sự phát triển bền vững. Đứng trước yêu cầu công bố thông tin TNXHĐN ngày càng tăng từ các bên liên quan và cộng đồng quốc tế cũng như nhu cầu hội tụ báo cáo toàn cầu, các DN tại Việt Nam cần xây dựng các chính sách cũng như thực hiện hoạt động TNXHĐN phù hợp với thông lệ chung. Vì vậy, những hoạt động thuộc về TNXHĐN cũng như công bố thông tin TNXHĐN ngày càng trở nên quan trọng và đóng vai trò không nhỏ trong việc nâng cao giá trị DN. Những điều trên đã làm cho hoạt động công bố thông tin TNXHĐN của các DN tại Việt Nam cần được quan tâm nhiều hơn nữa. Trên cơ sở này, nhóm tác giả tiến hành lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới và Việt Nam về các tiền tố và hậu tố của công bố thông tin TNXHĐN. Lược khảo nghiên cứu cung cấp cho người đọc những thông tin sơ lược và thiết yếu về công bố thông tin TNXHĐN. Đồng thời, lược khảo nghiên cứu cho thấy các yếu tố bên trong DN (hội đồng quản trị, chiến lược, quyền lực,...) và các yếu tố bên ngoài DN (quyền lực và lợi ích của bên liên quan, thông lệ về công bố TNXHĐN, người tiêu dùng, môi trường pháp lý và thể chế,...) có những tác động khác nhau đến công bố thông tin TNXHĐN. Bên cạnh đó, chi phí vốn chủ sở hữu, hiệu quả hoạt động và quyết định của các bên liên quan cũng chịu sự ảnh hưởng đáng kể bởi thông tin TNXHĐN mà đơn vị đã cung cấp. Do đó, DN cần đảm bảo cung cấp thông tin TNXHĐN đầy đủ, kịp thời, chính xác nhằm thực thi trách nhiệm đối với các bên liên quan cũng như hướng đến hội nhập và phát triển bền vững.

Từ khóa: Công bố thông tin TNXHĐN, lược khảo.

Abstract

Corporate social responsibility (CSR) is a trending topic that has recently garnered considerable attention from academics, businesses, and other market participants. CSR disclosure requires businesses to report on their efforts to create value for market participants and society. That businesses disclose environmental information and contribute to the community will provide certain benefits and assist them in moving toward sustainable development. Faced with increasing pressures from market participants and international communities and the requirement for global reporting, businesses in Vietnam must develop policies and practices for CSR disclosure that are effective and consistent with international standards. As a result, CSR activities and disclosure are becoming increasingly essential and play a significant role in enhancing corporate value for businesses in Vietnam. On this basis, we conducted a review of empirical studies on the antecedents and consequences of CSR disclosure conducted globally and nationally. The purpose of the review is to provide audiences with concise, critical information about CSR disclosure from the literature. Our study also demonstrates that internal business factors (e.g., board of directors, strategy, and power) and external business factors (e.g., stakeholder pressures and interests, CSR disclosure practice, consumers, legal and institutional environment) have varying effects on CSR disclosure. Finally, the cost of capital equity, operational efficiency, and market participants' decisions can be considered to be significantly influenced by the CSR information provided by businesses. As a result, enterprises must ensure that CSR information is complete, timely, and precise to meet their obligations to market participants and integration and sustainable development.

Keywords: Corporate social responsibility disclosure, CSR disclosure, CSR.

*Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

**Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

1. Sơ lược về công bố thông tin TNXHĐN

Trong bối cảnh hiện nay, các DN niêm yết ngoài việc công bố thông tin kế toán theo quy định thì còn phải thực hiện công bố thông tin TNXHĐN. Nghĩa là, DN phải cung cấp thông tin kinh tế, môi trường và xã hội cho các bên có liên quan. Những thông tin này được tích hợp trong báo cáo tài chính hoặc trong báo cáo riêng lẻ thuộc hệ thống báo cáo thường niên của DN và được công bố trên các phương tiện truyền thông. Công bố thông tin TNXHĐN cũng đồng thời đòi hỏi DN phải có nghĩa vụ báo cáo về các hoạt động vượt ra ngoài các yêu cầu của pháp luật mong muốn về các giá trị cũng như mục tiêu của xã hội (Hemingway và MacLagan, 2004). Những điều này thể hiện trách nhiệm của DN đối với vấn đề môi trường và đóng góp cho cộng đồng, nhằm hướng đến phát triển bền vững (Carroll, 1979). Với hiện trạng và tầm quan trọng của công bố thông tin TNXHĐN như đã nêu, những nghiên cứu về công bố thông tin TNXHĐN trở nên vô cùng cần thiết. Khảo sát lý thuyết cho thấy, có rất nhiều nghiên cứu về công bố TNXHĐN được thực hiện ở nhiều quốc gia trên thế giới. Trong giai đoạn đầu của công bố thông tin TNXHĐN, Bowman và Haire (1976) đã nhận định rằng, các DN có xu hướng công bố rất ít hoặc không cung cấp thông tin nào về hoạt động xã hội và môi trường trong hệ thống báo cáo. Tuy nhiên, theo Bowman và Haire (1976), bức tranh rộng lớn về công bố thông tin TNXHĐN đối với các nhà đầu tư đã chính thức được bắt đầu từ thời điểm này.

Những năm gần đây, các DN tại Việt Nam đang ngày càng chú trọng trong việc thực hiện các hoạt động gắn liền với xã hội, bao gồm: bảo vệ khách hàng và các bên liên quan; tăng cường bảo vệ môi trường; đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội,... Những hoạt động này không chỉ giúp DN linh hoạt ứng phó với một số vấn đề xã hội mà còn góp phần tạo tiền đề cho DN, trong tiến trình xây dựng giá trị thương hiệu. Tuy nhận thức được tầm quan trọng của công bố thông tin TNXH, các DN Việt Nam hiện nay vẫn thực hiện công bố thông tin TNXHĐN trên cơ sở tự nguyện, chỉ gói gọn trong các DN niêm yết và các công ty đại chúng (Hồ Tuấn Vũ, 2019). Công bố thông tin TNXHĐN là một yếu tố đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế mới nổi nhưng vẫn còn khá hạn chế, tại Việt Nam (Vu và Buranatrakul, 2017).

2. Lược khảo các nghiên cứu về công bố thông tin TNXHĐN

2.1. Các nghiên cứu thực nghiệm về các tiền tố của công bố thông tin TNXHĐN

Dựa trên lý thuyết quản trị chiến lược của các bên liên quan, Roberts (1992) đã thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm nhằm kiểm tra khả năng giải thích của lý thuyết này đối với một hoạt động TNXHĐN cụ thể, cũng như vấn đề công bố thông tin TNXHĐN. Thông qua các bước kiểm định, các bên liên quan (khách hàng, nhà cung cấp, các nhóm lợi ích) được xác nhận có tác động trực tiếp đến hoạt động công bố thông tin TNXHĐN. Bên cạnh đó, quyền lực của các bên liên quan, quan điểm chiến lược và hiệu quả kinh tế cũng có liên quan đáng kể đến mức độ

công bố thông tin trách nhiệm xã hội (TNXH) của DN. Nghiên cứu này có hạn chế là, chỉ mới tìm hiểu mối liên hệ giữa các bên liên quan và công bố TNXHĐN trong một bối cảnh nghiên cứu hẹp. Vì vậy, Roberts (1992) đã gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng tìm hiểu công bố thông tin TNXHĐN gắn với bản chất môi trường kinh doanh để DN có thể hiểu rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến TNXH, nhằm đưa ra quyết định phù hợp trong công bố thông tin TNXHĐN.

Sau khi tiến hành nghiên cứu về công bố thông tin TNXHĐN tại các DN ở Nam Phi, De Villiers (2000) đã khẳng định hoạt động công bố thông tin TNXHĐN tại khu vực này ngày một tăng cao, đặc biệt là các DN hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp. Tuy nhiên, các DN hoạt động trong những lĩnh vực khác nhau thì chịu sự ảnh hưởng của những thông lệ khác nhau về công bố thông tin TNXHĐN. Vì vậy, De Villiers (2000) cho rằng, các DN cần chú ý nhiều hơn đến những thông lệ này nhằm thu nhận được các thông tin hữu ích đối với hoạt động công bố thông tin TNXHĐN. Xét trên khía cạnh khác, tác giả này cũng đã chỉ ra những yếu tố trong môi trường chính trị có thể đã gây áp lực đối với hoạt động công bố thông tin TNXH của DN. Từ đó, làm cho các DN phải nỗ lực nhiều hơn trong việc thực hiện công bố TNXHĐN phù hợp với bối cảnh pháp lý.

Phạm Đức Hiếu (2011) đã thực hiện nghiên cứu dựa trên khung lý thuyết về tam giác phát triển của Elkington (1997) và lý thuyết về quyền lực của người sử dụng báo cáo tài chính của Freeman (1984) để

nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới thực hiện và công bố TNXH dưới hai góc độ: nhận thức của nhà quản lý và nhận thức của người tiêu dùng. Tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với số lượng mẫu khá lớn (300 mẫu). Bảng câu hỏi điều tra được thiết kế làm hai phiên bản: phiên bản 1 dành cho các nhà quản lý tại 30 DN hoạt động trong 3 lĩnh vực chủ yếu là ngân hàng, sản xuất đồ uống và may mặc; phiên bản 2 dành cho các khách hàng của các DN trên. Nghiên cứu được thực hiện tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả điều tra cho thấy: (1) 75% nhà quản lý xác nhận, DN của họ đã chi thêm các khoản chi phí để cải thiện chất lượng và điều kiện làm việc; (2) phần lớn các nhà quản lý tại các DN sản xuất (đồ uống) có thái độ và nhận thức cao hơn so với các nhà quản lý ở hai lĩnh vực ngân hàng và dệt may, vì bản chất của ngành nghề kinh doanh và đặc thù của sản phẩm; (3) phần lớn khách hàng (62%) cho biết, họ muốn mua và sẽ tiếp tục mua những sản phẩm của các DN thực hiện tốt TNXH; (4) đa số khách hàng trẻ tuổi biểu hiện thái độ tích cực, đối với DN thực hiện tốt TNXH hơn là các khách hàng lớn tuổi. Tuy nhiên, nhóm khách hàng trẻ tuổi chia sẻ rằng họ vẫn mua những sản phẩm của các DN được cho là thiếu TNXH, vì phạm đạo đức kinh doanh, do sự eo hẹp về tài chính. Cuối cùng, Phạm Đức Hiếu (2011) đã chỉ ra hai nhân tố ảnh hưởng tới công bố TNXH tại Việt Nam, đó là trình độ nhận thức của nhà quản lý DN và người tiêu dùng. Mặc dù, người tiêu dùng chưa có thái độ rõ ràng nhưng nhận thức của người tiêu dùng và các

quyết định mua sắm của họ có ảnh hưởng tới việc thực hiện TNXH và nghĩa vụ công bố thông tin về TNXH. Tuy nhiên, nghiên cứu có hạn chế về phạm vi nghiên cứu (mẫu khảo sát chỉ gồm 30 DN tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh).

Thông qua mẫu đại diện là các ngân hàng thương mại lớn của Hoa Kỳ trong giai đoạn 2009 – 2011, Jizi và cộng sự (2014) đã xem xét tác động của quản trị công ty bao gồm hội đồng quản trị và giám đốc điều hành (CEO) đến hoạt động công bố thông tin TNXH, tại các ngân hàng này. Nhóm tác giả đã cung cấp bằng chứng về mối liên quan tích cực giữa tính độc lập và quy mô của hội đồng quản trị với hoạt động công bố thông tin TNXH. Cụ thể, hội đồng quản trị độc lập cao, sẽ gia tăng mạnh mẽ hoạt động công bố thông tin TNXH bởi vì họ được kỳ vọng sẽ đem lại nhiều hơn các lợi ích cho cổ đông cũng như các bên có liên quan nên sẽ thúc đẩy DN thực hiện công bố thông tin TNXH. Nhóm tác giả cũng xác nhận rằng, CEO không kiêm nhiệm sẽ tăng cường sự minh bạch trong hoạt động công bố thông tin TNXH. Vào thời điểm này, nghiên cứu của Jizi và cộng sự (2014) có giá trị khá lớn đối với các DN trong việc xem xét cơ chế tổ chức hội đồng quản trị cũng như vai trò của CEO, nhằm đạt kết quả tốt trong công bố thông tin TNXH.

Vu và Buranatrakul (2017) đã phân tích tác động tiềm tàng của quản trị công ty và đặc điểm sở hữu (sở hữu Nhà nước, sở hữu tư nhân và sở hữu nước ngoài) đối với công bố thông tin TNXH của các DN niêm yết tại Việt Nam. Dựa trên phân tích dữ liệu từ các báo cáo

thường niên của các DN niêm yết năm 2013, nhóm tác giả kết luận: (1) mức độ giao tiếp xã hội của DN ở Việt Nam là vẫn còn thấp (18,03%); (2) sở hữu Nhà nước, sở hữu tư nhân và sở hữu nước ngoài có tác động tiêu cực đáng kể đến công bố thông tin TNXH. Tuy nhiên, tỷ lệ các CEO độc lập trong hội đồng quản trị không được coi là cơ chế giám sát hiệu quả, để thúc đẩy các nhà quản trị công bố nhiều hơn các thông tin về TNXH. Nhóm tác giả khuyến nghị các cơ quan quản lý Việt Nam nên tập trung vào việc tăng cường khuôn khổ pháp lý về công bố thông tin phi tài chính, để tăng cường tính minh bạch của thị trường.

Đặng Ngọc Hùng và cộng sự (2018) đã thực hiện một nghiên cứu nhằm tìm hiểu thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin TNXH, tại các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chi số và phân tích nội dung, để đo lường mức độ công bố thông tin TNXH trong báo cáo thường niên của 289 DN. Kết quả cho thấy, mức độ công bố thông tin TNXH trong báo cáo thường niên là 37,23%. Nghiên cứu đã xác định 3 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin TNXH là khả năng sinh lời, quy mô DN và kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, 3 nhân tố không ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin TNXH là đòn bẩy tài chính, số lượng thành viên hội đồng quản trị và chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc. Từ đó, nhóm tác giả này đề xuất một số khuyến nghị cho các DN trong việc gia tăng mức độ công bố thông tin TNXH, cụ thể là nâng cao chất

lượng kiểm toán độc lập, tăng cường cơ chế quản trị công ty, đưa ra biện pháp ràng buộc trách nhiệm nhà quản lý nhằm giảm bất cân xứng thông tin giữa nhà quản lý và nhà đầu tư.

Theo Bac và Thanh (2020), mặc dù các DN Việt Nam đang tham gia sâu rộng vào quá trình hội nhập quốc tế nhưng hoạt động công bố thông tin TNXHĐN tại Việt Nam vẫn chưa được quan tâm đúng mức cả lý thuyết và thực tiễn. Đặc biệt, đối với lĩnh vực xây dựng, hoạt động TNXHĐN cũng như công bố TNXHĐN đã đem lại một số kết quả thiết thực nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Dựa trên 135 mẫu quan sát từ 27 công trình xây dựng của DN niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, giai đoạn 2014-2018, nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tích cực giữa công bố thông tin TNXHĐN và hiệu quả tài chính. Nói chính xác hơn, đó chính là mối quan hệ tích cực giữa công bố thông tin TNXHĐN với chỉ số ROA. Theo nhóm tác giả, để đảm bảo sự phát triển bền vững, các DN cần quan tâm nhiều hơn đến thực thi và công bố TNXHĐN, nhằm gia tăng hiệu quả tài chính.

Alshbili và Elamer (2020) đã thực hiện một nghiên cứu định tính để tìm hiểu và xem xét ảnh hưởng của môi trường thể chế, đối với việc áp dụng và công bố thông tin TNXHĐN ở Libya. Nhóm tác giả đã sử dụng thuyết đẳng cấu (isomorphism) như một lý thuyết tân thể chế, nhằm khám phá áp lực của yếu tố thể chế đối với việc thực hiện TNXHĐN. Nghiên cứu áp dụng lý thuyết tân thể chế, để giải thích cho cách thức mà các DN chấp nhận hoặc phản ứng đối với sự thay đổi

của các áp lực và dự đoán về thể chế cũng như xã hội để duy trì tính hợp pháp của DN. Các hành vi của DN được thúc đẩy bởi báo chí và bởi áp lực trong một môi trường thể chế cụ thể, thông qua tuân theo các chuẩn mực và các quy tắc được xã hội tôn trọng. Dữ liệu thu thập từ 20 cuộc phỏng vấn sâu thực hiện với hai nhóm riêng biệt, gồm những nhà quản lý ở những đơn vị khác nhau: nhóm đầu tiên là các nhà quản lý của các DN dầu khí đang trong tình thể phải đối phó với các yêu cầu/áp lực, trong việc công bố thông tin TNXH; nhóm thứ hai là các nhà quản lý và hoạch định chính sách. Kết quả nghiên cứu cho thấy, động lực chính của việc công bố thông tin TNXH là do tác nhân từ bên ngoài, cụ thể là các yêu cầu về quy định và khuôn khổ thể chế trong nước (ví dụ: báo cáo dữ liệu môi trường, dữ liệu an toàn, dữ liệu sức khỏe, dữ liệu năng lượng,...). Nhóm tác giả cũng đề cập các yếu tố có ảnh hưởng đến việc công bố thông tin TNXH như: ảnh hưởng của các DN nước ngoài, công ty mẹ, văn hóa, quy mô, độ tuổi, nhu cầu duy trì danh tiếng và áp lực của DN. Những yếu tố này cần được DN quan tâm nhiều hơn, nhằm đáp ứng yêu cầu cũng như kỳ vọng công bố thông tin TNXH, trong bối cảnh tại Libya.

Trong một nghiên cứu định lượng tại Trung Quốc, Luo và Liu (2020) đã xem xét ảnh hưởng của các kết nối nghề nghiệp của nhà quản lý và sự chú ý của xã hội, đối với việc công bố thông tin TNXHĐN. Mẫu nghiên cứu với các DN niêm yết bao gồm 7.462 quan sát hàng năm, từ năm 2009 đến 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tại các

thị trường mới nổi như Trung Quốc, các DN với các nhà quản lý hàng đầu có mối quan hệ chuyên nghiệp được khuyến khích phát huy, nhằm cải thiện công bố TNXHĐN. Điều này đặc biệt xảy ra khi các DN phải đối mặt với sự chú ý đáng kể của công chúng và truyền thông. Phân tích bổ sung cho thấy, các DN có mối quan hệ nghề nghiệp tốt sẽ có xu hướng thận trọng hơn khi áp dụng các chính sách kế toán, nhằm duy trì uy tín của họ. Dựa trên lý thuyết triển vọng, nhóm tác giả lập luận các nhà quản lý hàng đầu DN có xu hướng hành xử hợp lý và quan tâm nhiều hơn đến chất lượng công bố thông tin TNXH khi họ nhận định được rằng những hành vi không hợp lý sẽ gây tổn hại đến danh tiếng của chính mình. Bên cạnh đó, ở các thị trường mới nổi, các quyết định về thực hiện và công bố thông tin TNXHĐN sẽ được định hình bởi các đặc điểm riêng của nhà quản lý cũng như các thể chế bên ngoài.

Tibiletti và cộng sự (2021) đã thực hiện một nghiên cứu định lượng về tác động của hội đồng quản trị đối với TNXHĐN trong bối cảnh “kỷ nguyên bền vững” với cỡ mẫu là 200 DN niêm yết tại Ý. Tibiletti và cộng sự (2021) kết luận, việc thực hiện công bố TNXHĐN được quyết định bởi hội đồng quản trị được xem là một vấn đề quan trọng, trong quá trình ra quyết định của các DN. Mối quan hệ giữa cơ cấu quản trị và các chính sách TNXHĐN là yếu tố quan trọng, để xác định quan điểm chiến lược của DN. Thông qua kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã xác định các đặc điểm của hội đồng quản trị là có ảnh hưởng đến việc công bố thông tin

TNXHDN. Cụ thể, chủ tịch hội đồng quản trị kiêm nhiệm CEO sẽ tạo nên ảnh hưởng không mong muốn đối với công bố thông tin TNXHDN. Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm nhiệm CEO sẽ có mức độ bảo vệ các bên liên quan thấp hơn so với các DN có CEO độc lập. Do đó, cần phải có những cách thức tối ưu để thu hút các bên liên quan tham gia vào hoạt động của DN, nhằm tạo tương tác tích cực với hoạt động công bố thông tin TNXHDN.

2.2. Các nghiên cứu thực nghiệm về các hậu tố của công bố thông tin TNXHDN

Với mẫu là 100 DN hàng đầu nước Anh, Clarke và Gibson - Sweet (1999) đã dẫn chứng cho mối quan tâm ngày một tăng cao về công bố TNXHDN, thông qua số lượng DN công bố TNXH ngày một nhiều hơn. Tuy vậy, các DN này vẫn đang thực hiện công bố thông tin TNXHDN theo quy định của pháp luật, thể hiện qua các báo cáo tự nguyện. Clarke và Gibson - Sweet (1999) cũng đã phát hiện rằng, các DN này chỉ công bố thông tin TNXH trên hai khía cạnh: sự tham gia của DN vào cộng đồng và sự tác động của DN đối với môi trường. Nhóm tác giả khuyến nghị các DN nên lưu ý đến môi trường pháp lý và xem xét công bố thông tin TNXHDN dưới vai trò của tính hợp pháp, nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động này.

Trong một nghiên cứu định lượng được thực hiện dựa trên dữ liệu về công bố TNXHDN của các DN niêm yết tại Tây Ban Nha (2003–2008), Reverte (2012) đã khẳng định, có mối quan hệ tiêu cực đáng kể giữa xếp hạng công bố thông tin TNXHDN và chi phí vốn

chủ sở hữu. Mối quan hệ tiêu cực giữa công bố TNXHDN và chi phí vốn chủ sở hữu sẽ rõ ràng hơn đối với những DN hoạt động trong các ngành nhạy cảm với môi trường. Phát hiện của Reverte (2012) đã đóng góp vào dòng nghiên cứu đang diễn ra tranh luận xoay quanh các hoạt động TNXHDN là giúp DN nâng cao hay trung lập giá trị. Do đó, Reverte (2012) đã cung cấp thêm bằng chứng cho quan điểm TNXHDN được cải thiện có thể nâng cao giá trị cho DN, thông qua giảm chi phí vốn chủ sở hữu. Điều này ngụ ý rằng, công bố thông tin TNXHDN là một phần trong công cụ giao tiếp của DN, nhằm giảm sự bất cân xứng về thông tin giữa các nhà quản lý và các nhà đầu tư. Nói theo cách khác, công bố thông tin TNXHDN là nghĩa vụ được yêu cầu nhằm giúp các bên liên quan đưa ra định giá chính xác về DN.

Nguyen và cộng sự (2015) đã điều tra mối liên hệ giữa công bố TNXHDN và giá trị DN ở Việt Nam. Mẫu nghiên cứu gồm báo cáo TNXHDN của 50 DN niêm yết trên các Sàn Giao dịch Chứng khoán ở Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Hà Nội (HNX) từ năm 2010 đến năm 2013. Nhóm tác giả đã phân tích nội dung báo cáo thường niên, để đo lường TNXHDN và hệ số Tobin's Q được tính theo giá trị DN. Kết quả phân tích hồi quy, cho thấy công bố TNXHDN có liên quan trực tiếp đến giá trị DN của năm kế tiếp. Cụ thể hơn, công bố thông tin môi trường có tác động tích cực đến giá trị DN của năm kế tiếp và hành vi công bố của nhân viên có tác động tiêu cực đến giá trị của DN. Kết quả nghiên cứu đã đem lại dấu hiệu tích cực cho các DN Việt Nam, trong

công tác đảm bảo trách nhiệm đối với môi trường.

Tại Ba Lan, Krasodomska và Cho (2017) đã thực hiện nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn và phân tích quan điểm của bên đại diện cho môi giới chứng khoán và bên đại diện cho các nhà quản lý quỹ đầu tư, nhằm tổng hợp ý kiến về việc công bố thông tin TNXHDN tại quốc gia này. Nhóm tác giả kết luận rằng, khó có thể đưa ra các đánh giá rõ ràng liên quan đến việc sử dụng thông tin TNXHDN trong việc ra quyết định của các bên liên quan. Trong nghiên cứu này, đối với bên đại diện cho môi giới chứng khoán và bên đại diện cho các nhà quản lý quỹ đầu tư (ví dụ: nhà phân tích tài chính) thì những thông tin TNXHDN (thông tin phi tài chính) mà DN đã công bố được xem là bị giới hạn nên họ hiếm khi sử dụng cũng như đánh giá không cao về những thông tin này. Tuy nhiên, một điều thú vị là mặc dù có những đánh giá tiêu cực về các công bố TNXHDN nhưng lượng thông tin mà các DN đã công bố lại được ghi nhận là không đủ, nghĩa là các bên liên quan vẫn cần được cung cấp nhiều thông tin về TNXHDN hơn.

Nguyen Ngoc (2018) đã khám phá ảnh hưởng của việc công bố thông tin TNXHDN đối với hoạt động tài chính của tổ chức tín dụng, tại Việt Nam. Cụ thể, tác giả đã xem xét mối quan hệ giữa công bố TNXH của DN và hiệu quả hoạt động tài chính của các ngân hàng tại Việt Nam, trong giai đoạn 2011–2016. Tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích nội dung để tiếp cận dữ liệu liên quan đến TNXHDN cũng như công cụ ước lượng bình

phương nhỏ nhất (OLS) thông thường để phân tích dữ liệu. Nghiên cứu này đã phát hiện mối quan hệ tiêu cực đáng kể giữa công bố thông tin TNXHĐN và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại, tại Việt Nam. Kết quả này có thể được giải thích bởi các yêu cầu bổ sung của pháp luật Việt Nam đối với TNXHĐN gắn với bối cảnh khó khăn, do suy thoái kinh tế mà các ngân hàng đang gặp phải. Đồng thời, nhận thức của khách hàng đối với TNXHĐN của ngân hàng tại Việt Nam cũng đóng vai trò truyền dẫn trong mối quan hệ tiêu cực này.

Nguyễn Nhật Thiên Thảo (2018) đã nghiên cứu về các nhân tố tác động đến công bố thông tin TNXHĐN, dựa trên 1200 mẫu nghiên cứu ứng với 200 DN trên HOSE, trong giai đoạn 2011 – 2016. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra: hội đồng quản trị, tỷ lệ thành viên hội đồng quản trị độc lập, tỷ lệ thành viên nước ngoài trong hội đồng quản trị, sở hữu Nhà nước, sở hữu nước ngoài, quy mô DN, độ tuổi DN, tỷ suất sinh lời và đòn bẩy tài chính có tác động tích cực đến vấn đề công bố thông tin TNXHĐN. Trong đó, nhân tố tỷ suất sinh lời có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Kết quả phân tích cũng chỉ ra rằng, không có sự khác biệt đáng kể giữa kết quả hồi quy của các nhân tố được nghiên cứu đối với công bố thông tin TNXH và các chỉ số thành phần. Từ kết quả này, tác giả đã hàm ý cho các DN trong việc xây dựng bộ máy kế toán với đầy đủ năng lực và nguồn lực để có thể ghi nhận, theo dõi và cung cấp thông tin về TNXH theo đúng yêu cầu.

Chia và Thuya (2020) đã nghiên cứu mối quan hệ giữa công bố thông

tin TNXHĐN và kết quả hoạt động tài chính của các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng công bố TNXHĐN không trọng số để áp dụng ủy quyền cho hiệu quả bền vững của TNXHĐN đối với các DN niêm yết tại Việt Nam, từ năm 2016 đến năm 2019. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên dữ liệu công bố thông tin TNXHĐN từ 364 báo cáo thường niên của 100 DN niêm yết. Thông qua sử dụng phân tích nội dung để tiếp cận dữ liệu liên quan đến TNXHĐN trong báo cáo hàng năm cũng như công cụ ước tính bình phương nhỏ nhất (OLS) thông thường để phân tích dữ liệu, kết quả thực nghiệm cho thấy có mối quan hệ tiêu cực đáng kể giữa việc công bố thông tin TNXHĐN và hiệu quả tài chính của các DN niêm yết ở Việt Nam.

Buallay và cộng sự (2020) khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa công bố thông tin TNXHĐN với hiệu quả hoạt động, tài chính và thị trường của 210 DN niêm yết thuộc khu vực Địa Trung Hải đã chứng minh rằng việc công bố TNXHĐN ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh và thị trường của DN nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động tài chính. Kết quả nghiên cứu định lượng cũng chỉ ra rằng, việc các nhà đầu tư đánh giá mức độ hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, môi trường và xã hội của một DN phụ thuộc vào quyết định công bố hay không công bố thông tin về các hoạt động TNXHĐN của DN. Việc công bố thông tin TNXHĐN không chỉ liên quan đến mức độ phù hợp với hiệu suất các hoạt động TNXHĐN mà còn cải thiện góc nhìn của nhà đầu tư, trong việc định giá các hoạt động TNXHĐN theo hướng tích cực.

Hummel và cộng sự (2020) thông qua nghiên cứu định lượng đã xem xét mối quan hệ giữa giá trị DN (được đo lường thông qua giá cổ phiếu) và công bố TNXHĐN cũng như tác động của môi trường thể chế, đối với mối quan hệ này. Nhóm tác giả đã áp dụng phân tích văn bản, đối với dữ liệu về các DN được liệt kê trong STOXX châu Âu 600, trong giai đoạn 2008–2016. Cuộc điều tra về việc công bố TNXHĐN theo chủ đề chỉ ra rằng, khi các DN chuyển từ báo cáo tự nguyện sang bắt buộc (sau khi công bố Chỉ thị 2014/95/EU), mối liên hệ giữa giá cổ phiếu và việc tiết lộ TNXHĐN trở nên tiêu cực đáng kể. Trong khi đó, vào giai đoạn trước khi công bố thông tin TNXHĐN, mối quan hệ này là tích cực hoặc không có ý nghĩa thống kê. Nhóm tác giả cũng khẳng định rằng, môi trường thể chế tác động đến mối quan hệ này theo bốn cách riêng biệt: mức độ nhận thức về TNXHĐN, mức độ bảo vệ nhân viên, mức độ thực thi và sức mạnh của môi trường pháp lý.

3. Kết luận

Nội dung bài lược khảo đã trình bày tóm lược các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam về các tiền tố và hậu tố của công bố thông tin TNXHĐN. Qua đó, nhóm tác giả nhận thấy, công bố thông tin TNXHĐN đã được hình thành và phát triển khá mạnh mẽ trong quá khứ nhưng vẫn là một vấn đề thu hút nhiều sự quan tâm ở thời điểm hiện tại. Công bố thông tin TNXH giúp DN giảm thiểu sự bất cân xứng thông tin giữa các nhà quản lý và các nhà đầu tư. Công bố thông tin TNXHĐN cũng giúp các bên liên quan đưa ra định giá chính xác về

DN và góp phần gia tăng giá trị DN. Ngoài việc đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý thì công bố thông tin TNXH còn thể hiện trách nhiệm của DN, đối với các bên liên quan. Mặc dù thông tin TNXH bị xem là giới hạn và rất ít khi được sử dụng nhưng các bên liên quan vẫn có nhu cầu được cung cấp nhiều hơn các thông tin về TNXH. Mặt khác, công bố thông tin TNXH được xem là có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động cũng như thị trường vốn của DN. Điều này đã gợi ý cho các DN nỗ lực đẩy mạnh hoạt động công bố thông tin TNXH cũng như thực hiện các hoạt động TNXH, nhằm hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Alshbili, I., & Elamer, A. A. (2020). *The influence of institutional context on corporate social responsibility disclosure: a case of a developing country*. *Journal of Sustainable Finance & Investment*, 10(3), 269-293.
2. Bac, A. H., & Thanh, H. T. T. (2020). *Corporate Social Responsibility Disclosure and Financial Performance of Construction Enterprises: Evidence from Vietnam (No. 2509)*. *EasyChair*.
3. Bowman, E. H., & Haire, M. (1976). *Social impact disclosure and corporate annual reports*. *Accounting, Organizations and Society*, 1(1), 11-21.
4. Buallay, A., Kukreja, G., Aldhaen, E., Al Mubarak, M., & Hamdan, A. M. (2020). *Corporate social responsibility disclosure and firms' performance in Mediterranean countries: a stakeholders' perspective*. *EuroMed Journal of Business*, 15(3), 361-375
5. Carroll, A. B. (1979). *A three-dimensional conceptual model of corporate performance*. *Academy of management review*, 4(4), 497-505.
6. Chia, B. P., & Thuya, N. T. H. (2020). *The relationship between CSR disclosure and financial performance: Evidence from Vietnam*. *SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN ACCOUNTING, AUDITING AND FINANCE*, 505-520.
7. Clarke, J., & Gibson-Sweet, M. (1999). *The use of corporate social disclosures in the management of reputation and legitimacy: a cross sectoral analysis of UK Top 100 Companies*. *Business Ethics: A European Review*, 8(1), 5-13.
8. De Villiers, C. (2000). *Social responsibility disclosure by South African industrial holding companies: a research note*. *South African Journal of Accounting Research*, 14(1), 65-73.
9. Hemingway, C. A., & Maclagan, P. W. (2004). *Managers' personal values as drivers of corporate social responsibility*. *Journal of Business Ethics*, 50(1), 33-44.
10. Hummel, K., Mittelbach-Hoermanseder, S., Cho, C. H., & Matten, D. (2020). *Corporate Social Responsibility Disclosure: A Topic-Based Approach*. Available at SSRN 3090976.
11. Jizi, M. I., Salama, A., Dixon, R., & Stratling, R. (2014). *Corporate governance and corporate social responsibility disclosure: Evidence from the US banking sector*. *Journal of Business Ethics*, 125(4), 601-615.
12. Krasodomska, J., & Cho, C. H. (2017). *Corporate social responsibility disclosure*. *Sustainability Accounting, Management and Policy Journal*.
13. Luo, J., & Liu, Q. (2020). *Corporate social responsibility disclosure in China: Do managerial professional connections and social attention matter?*. *Emerging Markets Review*, 43, 100679.
14. Nguyen, B. T. N., Tran, H. T. T., Le, O. H., Nguyen, P. T., Trinh, T. H., & Le, V. (2015). *Association between corporate social responsibility disclosures and firm value—Empirical evidence from Vietnam*. *International Journal of Accounting and Financial Reporting*, 5(1), 212-228.
15. Nguyen, N. (2018). *The effect of corporate social responsibility disclosure on financial performance: Evidence from credit institutions in Vietnam*. Available at SSRN 3101658.
16. Omran, M. A., & Ramdhony, D. (2015). *Theoretical perspectives on corporate social responsibility disclosure: a critical review*. *International Journal of Accounting and Financial Reporting*, 5(2), 38-55.
17. Phạm Đức Hiếu (2011) "Các nhân tố ảnh hưởng tới thực hiện và báo cáo TNXH của các DN Việt Nam" *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 10-16.
18. Reverte, C. (2012). *The impact of better corporate social responsibility disclosure on the cost of equity capital*. *Corporate social responsibility and environmental management*, 19(5), 253-272.
19. Roberts, R. W. (1992). *Determinants of corporate social responsibility disclosure: An application of stakeholder theory*. *Accounting, Organizations and society*, 17(6), 595 - 612.
20. Thảo, N. N. T. (2018) "Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin TNXH trên báo cáo thường niên của các DN niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh".
21. Tibiletti, V., Marchini, P. L., Furlotti, K., & Medioli, A. (2021). *Does corporate governance matter in corporate social responsibility disclosure? Evidence from Italy in the "era of sustainability"*. *Corporate social responsibility and environmental management*, 28(2), 896-907.
22. Vũ, K. A., & Buranatrakul, T. (2017). *Examining CSR Disclosure in Vietnam: Too Little, Too Late*. *UTCC Int. J. Bus. Econ*, 9, 65 - 79.